

Bản án số: **67/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 29 -11-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1974, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 7, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1976, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 7, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung

sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, anh T ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên đánh đập chị. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T;

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị và anh T có một con chung là cháu Trương Đăng D, sinh ngày 16/01/2005. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2019 bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, hàng ngày anh đi làm có đưa tiền cho chị N để chăm lo cho gia đình. Do anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị N;

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Đăng D, sinh ngày 16/01/2005, anh không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N, bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Trương Văn T;

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Đăng D, sinh ngày 16/01/2005, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Trương Văn T không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 08/11/2019 chị Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh T tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu được ly hôn, anh T không đồng ý. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: Cuộc sống hôn nhân giữa chị N, anh T không hạnh phúc, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh đập chị N. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho anh T về việc tiến hành hòa giải vụ án để anh T và chị N đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh T vẫn cố tình né tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Hơn nữa, chị N, anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N, anh T có một con chung là cháu Trương Đăng D, sinh ngày 16/01/2005, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy hiện nay cháu D đang sống cùng với chị N và cháu D có nguyện vọng muốn sống cùng với chị N. Do đó, giao chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị N vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Trương Văn T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Đăng D, sinh ngày 16/01/2005. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Trương Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Trương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006554 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- UBND xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na